

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HCPT

Ngày 29/01/2018

V/v khởi kiện hành vi hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh

Ông Bạch Đăng Thi

Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 05/2017/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc khởi kiện hành vi hành chính, Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/ HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Chu Văn Đ, sinh năm 1946 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã T, do ông Lê Văn T chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đại diện theo pháp luật (có mặt).

Địa chỉ: UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/ HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Ông Chu Văn Đ gửi đơn khởi kiện tranh chấp đất đai giữa ông với bị đơn là trường tiểu học xã T (gọi tắt là trường cấp 1) và trường trung học cơ sở xã T (gọi tắt là trường cấp 2). Sau khi nhận đơn, Tòa án nhân dân huyện L đã trả lại đơn khởi kiện theo điểm d khoản 2 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự vì chưa đủ điều kiện khởi kiện (tranh chấp về quyền sử dụng đất chưa qua thủ tục hoà giải ở cơ sở). Sau khi bị trả lại đơn khởi kiện, ngày 23/11/2016 ông Chu Văn Đ lại gửi “Đơn yêu cầu” đến Tòa án với 2 nội dung như sau:

1. Yêu cầu hoà giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đ với trường trung học cơ sở xã T và tranh chấp đất giữa ông Đ với trường tiểu học xã T.

2. Xác định ranh giới thửa đất số 231, tờ bản đồ số 10 diện tích 1116 m² với những thửa đất liền kề.

Ông Đ không gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất giữa ông với hai trường cấp 1, cấp 2 đến UBND xã T.

Sau khi Tòa án trả lại đơn khởi kiện, ngày 21/12/2016, UBND xã T đã gọi ông ra làm việc để làm rõ nội dung đơn yêu cầu ngày 22/11/2016 của ông Đ nhưng ông Đ cho rằng buổi hòa giải Ủy ban nhân dân xã T mời không đúng thành phần nên ông Đ đã bỏ về. Nên ngày 04/01/2017, ông Đ làm đơn khởi kiện Chủ tịch UBND xã T là ông Lê Văn T về hành vi không hoà giải tranh chấp quyền sử dụng đất.

Tại các biên bản làm việc ông Chu Văn Đ trình bày: ông giữ nguyên yêu cầu đề nghị xem xét việc Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông với trường cấp 1 và trường cấp 2 xã T và cam kết nếu trong thời hạn chậm nhất là ngày 09/6/2017, Ủy ban nhân dân xã T tổ chức việc hòa giải theo yêu cầu của ông thì ông sẽ rút đơn khởi kiện. Nhưng sau khi Ủy ban nhân dân xã T tổ chức hòa giải như đã cam kết thì ông Chu Văn Đ vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và cho rằng tại buổi đối thoại ngày 09/6/2017 Ủy ban nhân dân xã chưa về xem xét hiện trạng đất có tranh chấp, chỉ nêu ý kiến chung chung cho nên ông không xác định được ranh giới, chiều dài các cạnh của phần đất có tranh chấp nên ông yêu cầu lần hòa giải tiếp theo và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T phải đo vẽ thực địa để làm rõ những nội dung trên, đồng thời nhờ Ủy ban nhân dân xã xem

xét xác định giá trị tài sản mà ông bị thiệt hại, yêu cầu hai trường trả lại đất cho ông theo quy định của nhà nước.

Tại phiên toà sơ thẩm ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị:

-Yêu cầu Toà án xem xét việc Chủ tịch UBND xã T (ông Lê Văn T là chủ tịch) không tổ chức hoà giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông và hai trường cấp 1, 2 xã T theo quy định pháp luật.

- Qua 02 lần đối thoại, ông T đã tổ chức hoà giải theo đúng cam kết. Tại buổi hoà giải ngày 05/8/2017, UBND xã T đã tổ chức hoà giải theo đúng quy định của luật đất đai. Ông thấy không cần phải tiếp tục hoà giải giữa ông với trường cấp 1 và cấp 2 xã T nữa. Lý do ông không rút đơn khởi kiện như cam kết là do trước đây UBND xã T không hoà giải theo đơn yêu cầu ngày 21/11/2016 của ông dẫn đến việc ông phải làm đơn kiện ra toà, quá trình theo kiện ông phải đi lại nhiều, bức xúc với cách làm việc của UBND xã T. Ông giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của người bị kiện là ông Lê Văn T: ngày 24/11/2016, UBND xã T nhận được đơn đề nghị hoà giải của ông Đ, qua xem xét đơn thấy, đơn của ông Đ chưa nêu nội dung tranh chấp là gì, ông thấy không biết phải hoà giải như thế nào? Nên ngày 21/12/2016, UBND xã đã mời ông Đ đến để làm rõ yêu cầu của ông Đ, nhưng khi đang tiến hành làm việc thì ông Đ tự ý bỏ về. UBND xã đã lập biên bản về việc này làm bằng chứng. Trước đây UBND xã nhận được nhiều đơn của ông Đ và cũng hoà giải nhiều lần nhưng chưa lần nào nhận được đơn yêu cầu hòa giải về giải quyết tranh chấp đất giữa ông Đ với trường cấp 1 và cấp 2 xã T. Trong quá trình giải quyết vụ án qua đối thoại ông đã 02 lần tổ chức hoà giải tranh chấp đất giữa ông Đ và trường cấp 1, cấp 2 Tiên Lục. Ông Đ đã cam kết nếu UBND xã tiến hành hoà giải thì ông rút đơn khởi kiện. Nay không hiểu vì sao ông Đ lại không rút đơn, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, vì thấy không cần thiết phải hoà giải thêm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/ HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã áp dụng:

Áp dụng: Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 3 Điều 140; Điều 191; Điều 193; Điều 194; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính. Áp dụng Điều 202 Luật đất đai; Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất

đại; Điều 2 luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

-Ngày 14/9/2017 ông Chu Văn Đ nộp đơn kháng cáo và ngày 18/9/2017 ông Đ nộp cho Tòa án nhân dân huyện L biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nội dung kháng cáo: kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/ HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T xác định ranh giới thửa đất 321 tờ bản đồ số 10 diện tích 1116 m² đo đạc năm 1992 và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thực hiện theo đơn yêu cầu của ông Đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

- Ông Chu Văn Đ trình bày: Ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính tại phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án là có căn cứ đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Chu Văn Đ- người khởi kiện là phù hợp với qui định tại Điều 204 và Điều 206 của Luật tố tụng hành chính được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Chu Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/ HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T xác định ranh giới thửa đất 321, tờ bản đồ số 10, diện tích 1116 m² đo đạc năm 1992 và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thực hiện theo đơn yêu cầu của ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2017 ông Chu Văn Đ yêu cầu giải quyết về việc Chủ tịch UBND xã T không hoà giải tranh chấp quyền sử dụng đất.

Theo các tài liệu do các đương sự cung cấp thể hiện:

Cả người khởi kiện và người bị kiện đều xác định ngày 21/11/2016, ông Đ có gửi đơn yêu cầu hoà giải đến UBND xã T. Nhưng ông Đ không gửi đơn kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp đất giữa ông Đ với Trường cấp 1 và cấp 2 xã T mà Toà án trả lại để tiến hành hoà giải theo quy định. Ngày 22/12/2016, UBND xã T có mời ông Đ đến trụ sở để làm việc, trong khi đang làm việc thì ông Đ tự ý bỏ về. Tại phiên họp đối thoại ngày 27/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L ông Đ mới giao đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất cho Chủ tịch UBND xã T để tiến hành hoà giải. Ngoài ra thì hai bên đều xác định qua đối thoại vào các ngày 02/6/2017 và 27/7/2017 đến ngày 09/6/2017 và ngày 05/8/2017 UBND xã T đã tổ chức hoà giải tranh chấp đất theo đúng cam kết. Ông Đ cũng thừa nhận buổi hoà giải ngày 05/8/2017 là đúng pháp luật, đầy đủ thành phần, đúng trình tự, có kiểm tra đo vẽ hiện trạng đất, ông thấy không cần phải tiến hành hoà giải nữa. Sau 07 ngày, ông Chu Văn Đ không thực hiện cam kết rút đơn nên phải đưa ra xét xử theo Điều 140 Luật tố tụng hành chính.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của các bên là phù hợp với nhau và phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai; Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Sau khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch UBND xã phải ra quyết định thành lập hội đồng hoà giải, thời hạn giải quyết đơn là 45 ngày. Trong vụ án này, ông Đ không gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đã gửi đơn yêu cầu hoà giải là không đúng theo quy định trên. Trong trường hợp đã gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh

chấp đất mà hết thời hạn giải quyết 45 ngày, UBND xã T chưa tiến hành hoà giải thì ông Đ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện Chủ tịch UBND xã T về hành vi không tiến hành hoà giải tranh chấp đất. Đối với Chủ tịch UBND xã T sau khi nhận được đơn yêu cầu hoà giải của ông Đ, đã mời ông Đ đến trụ sở để làm rõ yêu cầu làm căn cứ để hoà giải là phù hợp. Vì khi chưa nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp thì không thể biết nội dung tranh chấp và yêu cầu của người khởi kiện như thế nào để tiến hành hoà giải.

Ông Đ cũng thừa nhận buổi hoà giải ngày 05/8/2017 do Chủ tịch UBND xã T tiến hành là đúng pháp luật. Ông cũng không yêu cầu phải tiếp tục hoà giải tranh chấp đất giữa ông với trường Tiểu học và Trung học xã T nữa. Ông Đ không rút đơn khởi kiện theo cam kết vì bức xúc từ việc trước đó UBND xã T không tiến hành hoà giải theo đơn yêu cầu ngày 21/11/2016 của ông dẫn đến việc ông phải khởi kiện ra toà đi lại nhiều lần vất vả trong khi ông tuổi đã cao.

Đối với yêu cầu xác định ranh giới, chiều dài các cạnh của phần đất có tranh chấp, xem xét xác định giá trị tài sản mà ông bị thiệt hại và yêu cầu hai trường trả lại đất cho ông: theo quy định tại Điều 30 Luật tổ tụng hành chính thì các yêu cầu này không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính, ông Đ cần làm đơn khởi kiện bằng một vụ án dân sự.

Đối với yêu cầu của ông Đ yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết xác định ranh giới thửa đất số 231, tờ bản đồ số 10, diện tích 1116 m² với những thửa liền kề. UBND xã T đã cử tổ công tác xuống thực địa làm việc với ông Đ và xác định mốc giới đã được thể hiện trong Bản án số 27 ngày 17/3/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc có hiệu lực pháp luật xác định. Việc không tiến hành xác định lại mốc giới nêu trên không liên quan gì đến nội dung hòa giải tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông Đ với trường cấp 1, 2 xã T để làm căn cứ giải quyết tranh chấp tại Tòa án giữa ông Đ với trường cấp 1, 2 xã T. Việc UBND xã T đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông Đ đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đủ điều kiện để Tòa án thụ lý, giải quyết về tranh chấp đất đai khi các bên tranh chấp có yêu cầu. Cho nên xác định hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ không đưa ra được căn cứ gì mới.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn Đ.

Về án phí: Theo khoản 2 Luật người cao tuổi thì ông Đ là người cao tuổi. Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Chu Văn Đ được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Chu Văn Đ.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2017/HCST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã giải quyết giữa người khởi kiện: Ông Chu Văn Đ và người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí: Ông Chu Văn Đ không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Trả lại ông Chu Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0004027 ngày 18/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS cấp sơ thẩm;
- Đương sự;
- Chi cục THA dân sự H L;
- Lưu HS, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nhiên